

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - G
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

G, ngày 08 tháng 01 năm 2026

Số: 15/2026/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 297/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Võ Thị A** – SN: 02/9/1992; nơi cư trú: Thôn E, xã F, tỉnh G.

CCCD số: 052192007078; ngày cấp: 21/9/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Văn B** – SN: 16/5/1989; nơi cư trú: Thôn E, xã F, tỉnh G.

CCCD số: 052089001657; ngày cấp: 22/4/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Ngân hàng Agribank) – Chi nhánh H K.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn An C – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Ngân hàng Agribank) – Chi nhánh H K (Theo Giấy ủy quyền số 553/GUQ-NHN_o.PC-TH ngày 24/11/2025).

Địa chỉ: Số 47 đường 3 tháng 2, xã H, tỉnh G.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội H.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Nguyễn D – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội H (Theo Quyết định số 137/QĐ-NHCSPC ngày 25/5/2023 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án).

Địa chỉ: Số 145 Quang Trung, xã H, tỉnh G.

* Nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh K (cũ) (nay là Ủy ban nhân dân xã F, tỉnh G).

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị A và anh Phạm Văn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị A và anh Phạm Văn B thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung:* Chị Võ Thị A và anh Phạm Văn B thống nhất có 03 con chung tên: Phạm Thị Mỹ L – SN: 03/11/2012, Phạm Võ Nguyên M – SN: 08/11/2017 và Phạm Thị Thanh N – SN: 30/12/2019. Khi ly hôn, chị A và anh V thống nhất giao ba cháu L, M và N cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng và anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung:* Chị Võ Thị A, anh Phạm Văn B, ông Nguyễn An C và ông Phan Nguyễn D thống nhất và yêu cầu Tòa án ghi nhận giao:

2.3.1. Khoản nợ ở Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt

Nam (Ngân hàng Agribank) – Chi nhánh H K số tiền gốc 110.000.000 đồng theo Hợp đồng số: 4305-LAV-2025 00570 ngày 13 tháng 3 năm 2025 và thế chấp một ngôi nhà cấp 4 cất trên thửa đất số 111, tờ bản đồ số 32, diện tích đất 458,1m², tọa lạc tại thôn E, xã Y, huyện H, tỉnh K (nay là: Thôn E, xã F, tỉnh G), (đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CS07686, ngày 25/9/2019) cho chị Võ Thị A trả khoản nợ này.

2.3.2. Khoản nợ ở Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội H số tiền 34.000.000 đồng theo Hợp đồng số: 7083804006/2025/HĐ-TS ngày 10 tháng 6 năm 2025 cho anh Phạm Văn B tiếp tục trả nợ theo Hợp đồng trên.

2.3.3. Giao một ngôi nhà cấp 4 cất trên thửa đất số 111, tờ bản đồ số 32, diện tích đất 458,1m², tọa lạc tại thôn E, xã Y, huyện H, tỉnh K (nay là: Thôn E, xã F, tỉnh G); có giới cận thửa đất: Phía Bắc giáp thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09; phía Đông giáp thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10 và thửa số 01, tờ bản đồ số 33; phía Tây giáp thửa số 64, tờ bản đồ số 10 và thửa số 119; phía Nam giáp thửa số 120; cho chị Võ Thị A, Phạm Thị Mỹ L – SN: 03/11/2012 và Phạm Võ Nguyên M – SN: 08/11/2017 trọn quyền sử dụng và sở hữu theo quy định của pháp luật (sau khi chị A trả xong khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Ngân hàng Agribank) – Chi nhánh H K số tiền gốc 110.000.000 đồng theo Hợp đồng số: 4305-LAV-2025 00570 ngày 13 tháng 3 năm 2025) (Hiện nay Phạm Thị Mỹ L và Phạm Võ Nguyên M còn nhỏ (chưa đủ 18 tuổi) nên tạm giao cho chị Võ Thị A quản lý đến khi Phạm Thị Mỹ L và Phạm Võ Nguyên M trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì chị A giao lại cho L và M quyết định).

2.4. *Án phí:*

2.4.1. Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị Võ Thị A tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước. Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Võ Thị A tự nguyện chịu 2.750.000^d (hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước. Chị Võ Thị A đã nộp 600.000^d (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005500 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh G nay được khấu trừ và chị Võ Thị A còn phải nộp 2.300.000^d (hai triệu, ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2.4.2. Về án phí dân sự sơ thẩm, anh Phạm Văn B tự nguyện chịu 850.000^d (tám trăm năm mươi nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2.5. *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản:* Chi phí xem xét, thẩm

định tại chỗ tài sản hết 4.000.000 đồng, chị Võ Thị A tự nguyện chịu 4.000.000 đồng, chị Võ Thị A đã nộp 4.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản, nay được khấu trừ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh G;
- VKSND khu vực 3 - G;
- Phòng THADS khu vực 3 - G;
- UBND xã F, tỉnh G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Cao Văn Đ